

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tước.

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/DS-ST, ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương B, sinh năm: 1961 (Có mặt)

Trú tại: Khu v, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Dương Thị Kim D, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu v, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/01/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương B và bà Dương Thị Kim D tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1983, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (Nay là Ủy ban nhân dân phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 1014, quyển số 02, ngày 15/12/1983. Thời gian đầu vợ chồng cùng đi dạy học đến năm 1989, ông Trương B nghỉ dạy học và chuyển sang làm nhà công tại nhà, năm 1990 vợ, chồng ra ở riêng sinh sống tại khu vực A, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, ông Trương B cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi

nhau, cả hai không chia sẻ lẫn nhau, gia đình sống trong không khí ngột ngạt và nặng nề nên cả 02 sống ly thân từ năm 2015, ông B cho rằng việc bị đơn bà D trình bày ông có người phụ nữ khác và bỏ vợ và bỏ con là không đúng. Nay ông Trương B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Dương Thị Kim D.

Về con chung: Có 04 con chung gồm Trương Thị Bích T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 04/4/1985, Trương Thanh N, giới tính: Nam, sinh ngày: 10/6/1987; Trương Thị Bích T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 09/9/1992 và Trương Thị Bích D, giới tính: Nữ, sinh ngày: 07/12/2004, hiện các con chung đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại biên bản lấy lời khai bà Dương Thị Kim D trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Quá trình sống chung bà và ông B có 04 con chung gồm: Trương Thị Bích T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 04/4/1985, Trương Thanh N, giới tính: Nam, sinh ngày: 10/6/1987; Trương Thị Bích T, giới tính: Nữ, sinh ngày: 09/9/1992 và Trương Thị Bích D, giới tính: Nữ, sinh ngày: 07/12/2004 hiện các con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bị đơn bà Dương Thị Kim D cho rằng: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cách nay khoảng 10 năm, khi bà D về hưu thì ông B bỏ nhà đi cùng với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến gia đình và các con chung. Bà là một người phụ nữ chung thủy, một mình nuôi con và ông B là người chồng thiếu trách nhiệm, bỏ vợ, bỏ con không lo cho vợ con. Nay bà D không muốn hàn gắn do tình cảm rạn nứt, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương B đối với bà Dương Thị Kim D; Con chung đã trưởng thành nên không xem xét, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng. Đối với bị đơn Dương Thị Kim D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Dương Thị Kim D theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương B và bà Dương Thị Kim D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1983 có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông B và bà D là hợp pháp. Trong quá trình sống chung do bất đồng ý kiến với nhau trong quan điểm sống, không hợp về tính cách và cả hai không chia sẻ quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn nhưng bà Dương Thị Kim D không đến Tòa án và ý chí bà D cũng không muốn hàn gắn với ông B, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, không chăm lo và quan tâm nhau, như vậy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Trương B xin ly hôn với bà Dương Thị Kim D là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương B xin ly hôn với bà Dương Thị Kim D.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4, Điều 147, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương B. Ông Trương B được ly hôn với bà Dương Thị Kim D.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét

3. Về tài sản chung: Các đương sự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Trương B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008101 ngày 11/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND. P. Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Việt